

Số: 363 /KH-UBND

Bỉm Sơn, ngày 2 tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH
Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2018-2019

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm của thị xã Bỉm Sơn; Công văn số 101/SGDDĐT-KHTC ngày 15/01/2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa về việc xây dựng kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2018-2019, UBND thị xã Bỉm Sơn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và Đào tạo năm học 2018-2019 với các nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2017-2018:

1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của Thị xã:

a. Thuận lợi:

UBND Tỉnh đã quan tâm chỉ đạo việc sắp xếp biên chế của Ngành, đã ban hành cụ thể quy định về biên chế lớp, biên chế cán bộ giáo viên.

Ngành Giáo dục và Đào tạo Bỉm Sơn được sự quan tâm của Thị uỷ, HĐND-UBND thị xã, của các cấp, các ngành trong thị xã, sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ổn định về chất lượng có tư tưởng chính trị vững vàng, tâm huyết, trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt tỷ lệ cao đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông;

Giáo dục Bỉm Sơn đã đạt được những thành tích quan trọng: quy mô trường lớp phát triển; phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, TH, THCS được giữ vững, chất lượng ngày càng nâng lên; chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn tiếp tục được giữ vững; phòng học kiên cố, bàn ghế, trang thiết bị đồ dùng dạy học được tăng cường cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

Mạng lưới trường lớp được quan tâm quy hoạch lại, thành lập trường liên cấp 1,2 tại phường Phú Sơn và xã Quang Trung tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi học gần nhà; nhân dân và phụ huynh quan tâm đặc biệt đến việc học của con em mình; công tác xã hội hoá được phát huy hiệu quả.

b. Khó khăn:

Việc tiếp cận một số chủ trương lớn để tổ chức, thực hiện về đổi mới giáo dục và đào tạo còn nhiều hạn chế khó khăn.

Cơ sở vật chất tuy đã được tăng cường nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cho dạy và học, các trường đạt chuẩn quốc gia chưa phát huy được lợi thế;

phòng học xuống cấp, phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà hiệu bộ, thiết bị dạy học, đồ chơi cho trẻ còn thiếu nhiều và xuống cấp, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học và đổi mới giáo dục. Đặc biệt đối với một số trường mầm non có khu lể, phòng học, thiết bị và các điều kiện thiết yếu khác thiếu, khó khăn cho công tác quản và đảm bảo an toàn cho việc dạy và học.

Một bộ phận cán bộ quản lý các nhà trường năng lực quản lý, điều hành còn hạn chế trong đó có quản lý tài chính; chưa tích cực chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về tăng cường CSVC trường học.

Tình trạng thiếu nhiều giáo viên mầm non, tiểu học, THCS; thiếu giáo viên nòng cốt; một bộ phận giáo viên chậm đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá học sinh; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, quản lý còn chưa hiệu quả.

Một bộ phận học sinh gia đình chưa thực sự quan tâm nên chưa chăm học, còn ham chơi, kỹ năng sống chưa được các trường triển khai đồng bộ và hiệu quả.

Công tác XHHGD trên địa bàn thị xã đã phát huy được sức mạnh của toàn xã hội quan tâm, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong tình hình hiện nay.

Hoạt động giáo dục trường liên cấp tại Phường Phú Sơn và xã Quang Trung còn gặp nhiều khó khăn do thiếu thôn CSVC cũng như bước đầu thực hiện mô hình mới trường Liên cấp (TH&THCS) còn nhiều bất cập.

c. Quy mô trường, lớp, học sinh:

Năm học 2017-2018, toàn Thị xã có: 27 trường và 01 TTGD TX trong đó:

+ Mầm non có 10 trường; 10/10 trường hạng 1, gồm 142 nhóm, lớp với 4035 cháu. (Có 02 trường tư thục)

+ Tiểu học có 7 trường; trong đó 1 trường hạng 1; 2 trường hạng 2, còn lại 5 trường hạng 3, gồm 129 lớp với 4470 học sinh.

+ TH&THCS có 2 trường: 18 lớp TH với 534 học sinh; 8 lớp THCS với 311 học sinh.

+ THCS có 6 trường; tất cả hạng 3, gồm 68 lớp với 2623 học sinh. Tổng THCS có 76 lớp với 2934 học sinh giảm 2 lớp so với kế hoạch; tiểu học 147 lớp với 5004 học sinh dôn giảm 13 lớp so với kế hoạch.

+ THPT có 2 trường, là 2 trường hạng 2, gồm 39 lớp với 1638 học sinh.

+ 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên gồm 0 lớp với 0 học sinh.

+ Tỷ lệ đi học: mầm non ra lớp nhà trẻ đạt 40%, mẫu giáo đạt 98%, vào lớp 1, lớp 6 đạt 100%.

d. Thực hiện tuyển sinh đầu cấp năm học 2017-2018.

Từ đầu tháng 7/2017 Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các nhà trường triển khai công tác tuyển sinh cho năm học 2017-2018, với công tác tuyên truyền rộng rãi,

khẩn trương và nghiêm túc theo các Công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Kết quả tuyển sinh đầu cấp năm học 2017-2018 như sau:

+ Tiểu học: Số học sinh 6 tuổi vào lớp 1 là 1146 em đạt 100%.

+ THCS: Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 là 788 Em, đạt 100%.

+ Mầm non tổng số 142 nhóm, lớp với 4035 cháu đạt 100% so với KH. Trong đó: 2 trường Tư thục có 29 nhóm, lớp với 810 cháu.

e. Chất lượng giáo dục ở các cấp học:

Các trường học trên toàn thị chấp hành thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên môn, điều lệ nhà trường, có đầy đủ hồ sơ theo quy định. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học; 100% CBGV tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Năm học 2017-2018 công tác dạy và học ngoại ngữ trong các nhà trường đã được quan tâm, tất cả các khối lớp 3,4,5 trong toàn thị xã đều được học ngoại ngữ theo quy định. Có 8 trường TH, 5 trường MN đã tổ chức dạy chương trình Tiếng Anh làm quen cho các nhóm lớp 5 tuổi mẫu giáo và lớp 1,2 ở Tiểu học.

Trong năm học 2017-2018 Phòng GD&ĐT đã triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở các nhà trường, theo đó các trường MN, TH, THCS trên địa bàn thị xã cập nhật tự đánh giá, báo cáo đánh giá trong tháng 5/2017. Trong năm học 2017-2018 thực trạng chất lượng giáo dục ở từng cấp học đánh giá như sau:

- Giáo dục Mầm non:

Tập trung triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chú trọng đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm lấy giáo dục trẻ làm trung tâm.

Huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường: Nhà trẻ đạt tỷ lệ 40 %; mẫu giáo đạt 98%, trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ trẻ bán trú duy trì 100%. Chỉ đạo các trường hoàn thành Hội thi "Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong các cơ sở GDMN". Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi còn 4,7%; 100% các trường Mầm non, nhóm lớp đảm bảo chăm sóc, giáo dục trẻ an toàn, chất lượng.

- Giáo dục Tiểu học:

Chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dạy học phù hợp với đối tượng học sinh. Tập trung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và trong dạy học. Triển khai thực hiện đánh giá học sinh Tiểu học theo thông tư 22/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục thực hiện tốt đề án dạy học Tiếng Anh ở

tiểu học. Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng PCGDTH, 8/8 đơn vị đạt PCGDTH mức độ 3. Huy động 99,9% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Chất lượng giáo dục được duy trì, cụ thể: Môn Toán: Hoàn thành tốt: 2711/4607 em đạt 58,8%; Hoàn thành: 1857/4607 em đạt 40,3%; Môn Tiếng Việt: Hoàn thành tốt: 2737/4607 em đạt 59,4%; Hoàn thành: 1826/4607 em đạt 39,6%; Năng lực: Tốt: 2864/4607 em đạt tỷ lệ 62,2%; Đạt: 1691/4607 em đạt tỷ lệ 36,7%; Phẩm chất: Tốt: 3443/4607 em đạt tỷ lệ 74,7%; Đạt: 1159/4607 em đạt tỷ lệ 25,2% 100% học sinh khối 3,4,5 học chương trình SGK Tiếng Anh mới; liên kết với các Trung tâm Anh ngữ Quốc tế tổ chức cho học sinh lớp 1,2 học chương trình Tiếng Anh làm quen.

- Giáo dục THCS và THPT:

Chỉ đạo các trường học thực hiện chương trình và kế hoạch thời gian đối với bậc học theo Quyết định của Bộ GD&ĐT; Tập trung đổi mới phương pháp dạy học tích hợp với dạy phân hoá; chú trọng dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dục đạo đức, phát hiện kịp thời học sinh giỏi, học sinh yếu kém để bồi dưỡng giúp đỡ.

Các trường học đã tổ chức có hiệu quả giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8, tổ chức thi cấp chứng chỉ nghề cho 731 HS lớp 9 THCS trong đó có 550 em đạt loại giỏi chiếm 75,2%, 179 em đạt loại khá chiếm 24,5%, 02 em đạt TB chiếm tỉ lệ 0,3%. Trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp thị xã có 243 em dự thi, kết quả có 130 em đạt giải, tuyển chọn 9 đội tuyển dự thi HSG cấp tỉnh vào tháng 3.2018. Kết quả chất lượng Giáo dục đại trà THCS: Hạnh kiểm: khá tốt có 2733 HS = 98,3%, còn 3 HS hạnh kiểm yếu = 0,2%; Học lực: Giỏi 661 HS=23,8%, khá 1115=40,1, TB 797 HS=28,7%, yếu kém còn 204HS= 7,4%.

g. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên công lập (Gồm MN, TH, THCS, TTGD TX) toàn Thị xã có 580 cán bộ, Giáo viên, nhân viên trong đó có 99% đạt chuẩn, trên chuẩn 63%;

+ Mầm non có 183 người, trong đó biên chế 148, HĐ 60 là 26 người, HĐ thị xã 9 người.

+ Tiểu học (TH) có 225 cán bộ, GV, nhân viên trong đó biên chế là 203 còn lại là hợp đồng 22 người.

+ THCS có 165 cán bộ, GV, nhân viên, trong đó biên chế 162, hợp đồng 3 người.

+ TTGGTX có 07 cán bộ, GV, nhân viên, biên chế 6; hợp đồng 01.

Rà soát, sắp xếp trường, lớp, đội ngũ giáo viên theo quy định của UBND tỉnh và chủ trương Trung ương; Chất lượng cán bộ, giáo viên nhìn chung đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, đa số tận tụy với nghề, có tâm huyết, có nhiều sáng kiến kinh nghiệm cấp thị, cấp tỉnh được phổ biến áp dụng; có trên

90 % giáo viên thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý.

Hiện nay, bậc Mầm non còn thiếu 51 CBGV so với tình giao, so với nhu cầu thiếu 61 biên; Bậc tiểu học, biên chế giao so với nhu cầu thiếu 57, hiện thị xã tiếp tục ký lại hợp đồng 22 người; Bậc THCS biên chế giao so với nhu cầu thiếu 14, hiện tại UBND thị xã đang hợp đồng 3 người.

h. Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý tài chính:

- Công tác quản lý tài chính:

Phòng Tài chính KH và Phòng GD&ĐT phối hợp tham mưu cho UBND thị xã cấp nguồn ngân sách cho ngành, các nhà trường đảm bảo chi lương và các hoạt động kịp thời. Hàng năm có theo dõi, hướng dẫn thu, chi thanh quyết toán theo quy định đảm bảo đúng hướng dẫn quy định của cấp trên.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh:

UBND thị xã đã và đang chi trả đầy đủ, kịp thời và đúng chế độ cho học sinh thuộc đối tượng gia đình chính sách, thuộc hộ nghèo, cận nghèo...theo Thông tư số 09/2016/TTLT - BGDĐT - BTC - BLĐTBXH ngày 30/03/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

i. Tình hình thu chi ngân sách: Công tác xây dựng dự toán thu, chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2018 dựa trên cơ sở hệ thống tiêu chí và định mức phân bổ NSNN hiện hành, trong đó dự toán chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương theo đúng các chế độ đã ban hành trước thời điểm lập dự toán và chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách. Trên cơ sở định mức trên, bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) 61.052 triệu đồng tối đa 90%, chỉ thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 10% đạt 7.990 triệu đồng dành chi nghiệp vụ.

- Trong điều kiện ngân sách hiện có lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác.

- Xã hội hóa giáo dục huy động trong năm ước đạt 5 tỷ đồng để xây dựng, sửa chữa và mua sắm CSVC trường học.

k. Kết quả thực hiện xây dựng, bổ sung CSVC trường học:

Trong năm học 2017-2018 đưa vào sử dụng nhà hiệu bộ THCS Hà Lan, THPT Lê Hồng Phong, đang xây dựng bổ sung CSVC cho 2 trường liên cấp TH&THCS Quang Trung và TH&THCS Phú Sơn.

Mầm non: 10 trường có 119 phòng học với 101 phòng kiên cố, còn 18 phòng bán kiên cố tạm bợ, đáp ứng 84% nhu cầu; còn 4 trường có khu lẻ; hầu hết các trường chưa có phòng chức năng.

Tiểu học: Có 139 phòng học trong đó có 133 phòng kiên cố và 6 phòng bán kiên cố, tất cả các trường phòng thư viện và phòng để đồ dùng dạy học chưa tách riêng, có 4 trường có phòng học tin học với 66 máy, bàn ghế chuẩn đạt 90% nhu cầu. Có 4 trường có nhà hiệu bộ, có 6 trường có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, hiện có 01 trường có 1 khu lẻ (TH Bắc Sơn).

THCS: Có 79 phòng học kiên cố đạt 100% nhu cầu (Do không đồng đều ở các trường), hiện có 22 phòng học bộ môn đạt 96.6% nhu cầu, có 4 trường có phòng thư viện và phòng để đồ dùng dạy học chưa tách riêng, 100% các trường có phòng học tin học 132 máy, bàn ghế chuẩn đạt 100% nhu cầu. Có 5 trường có nhà hiệu bộ, có 5 trường có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn.

Toàn thị xã có 21 trường chuẩn quốc gia, chiếm 77,7%; gồm 01 trường THPT, 05 trường THCS, 06 trường TH và 09 trường mầm non; trong đó có 02 trường mầm non và 01 trường tiểu học được công nhận chuẩn mức độ 2.

2. Nhận định tổng quát về thực trạng.

2.1. Thực trạng năm học 2017-2018:

Năm học 2017-2018, với thực trạng phát triển giáo dục của Thị xã, toàn ngành quyết tâm thực hiện kế hoạch như đã đặt ra; 100% các trường học tiếp tục thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 khóa XI. 100% CBGV trong ngành thực hiện tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và của địa phương. 100% các đơn vị phường xã trên địa bàn đạt chuẩn phổ cập THCS, phổ cập TH đúng độ tuổi và phổ cập cho trẻ Mầm non 5 tuổi. Chất lượng giáo dục được nâng lên, kết quả thi học sinh giỏi cấp thị đạt yêu cầu; thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp thị đạt kết quả tốt; đã bổ sung được giáo viên và cơ sở vật chất, có thêm 1 trường đạt chuẩn QG mức độ 1. Thị xã duy trì hoạt động hiệu quả 8/8 trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm đã từng bước giải quyết cơ bản nhu cầu học tập về nhiều lĩnh vực của nhân dân và người lao động.

Các nhà trường đã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, tổ chức thi HSG lớp 9; tổ chức thi nghề và cấp chứng chỉ cho 741 học sinh lớp 9.

2.2. Những mặt hạn chế, yếu kém:

Công tác triển khai nhiệm vụ năm học ở một số đơn vị trường học chưa thật sự đổi mới, xác định nhiệm vụ năm học ở đơn vị còn thiếu các giải pháp cụ thể phù hợp với đơn vị; chất lượng giáo dục mũi nhọn còn hạn chế.

Việc đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT, sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học của một số nhà trường chưa tích cực; hoạt động của các tổ, nhóm chuyên môn, giúp đỡ, hướng dẫn giáo viên mới ở một số đơn vị trường học chưa thường xuyên.

Công tác quản lý của một số trường học còn hạn chế, chậm đổi mới; công tác nắm bắt tình hình, chỉ đạo còn thiếu nhạy bén, còn thiếu dân chủ trong trường học, sai phạm trong phân công chuyên môn, bỏ nhiệm quản lý tổ chuyên môn, chế độ chính sách CBGV; kiểm tra nội bộ còn có đơn vị chưa thường xuyên.

Quy hoạch khuôn viên nhà trường theo hướng xanh, sạch, đẹp ở một số trường học chưa cụ thể; kinh phí chi thường xuyên thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu; cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều phòng học hiện xuống cấp nghiêm trọng; những trường đạt Chuẩn Quốc gia chưa được quan tâm đúng mức về xây dựng CSVC; hiện nay còn thiếu khoảng 44 phòng học và ít nhất 24 phòng học bộ môn (chủ yếu tiểu học và mầm non) so với kế hoạch, một số trường thiếu nhà hiệu bộ;

Việc bố trí đội ngũ giáo viên đầu năm học còn nhiều bất cập do thiếu giáo viên đứng lớp nhất là tiểu học và THCS; chưa thực hiện được học 2 buổi/ngày ở tiểu học, đa số trường tiểu học, mầm non sĩ số học sinh cao quá quy định do thiếu phòng học và thiếu giáo viên.

Việc thu, quản lý, sử dụng nguồn huy động đóng góp của phụ huynh học sinh của một số nhà trường chưa đúng quy định, nhất là phương pháp cách thức huy động mức thu, còn lập quỹ lớp và dồn các khoản thu.

2.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.

- Nguyên nhân khách quan:

Trong tình hình hội nhập quốc tế ngày nay, sự giao thoa giữa các nền văn hoá ngày càng được mở rộng. Các ấn phẩm văn hoá, kể cả văn hoá phẩm đồi trụy bằng nhiều con đường du nhập vào Việt Nam, nó là sự tiêm nhiễm vào nhận thức của các em, lâu dần trở thành thói quen.

Số lớp số học sinh tăng nhưng số lượng phòng học chưa đáp ứng được; giáo viên dạy chưa được tinh cho bổ sung.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Chưa giải quyết dứt điểm tình trạng thừa thiếu giáo viên, nhân viên hành chính.

+ Sự phối hợp lực lượng xã hội trong giáo dục học sinh chưa được thường xuyên;

+ Các Đoàn thể trong trường phối hợp giáo dục đạo đức học sinh có lúc chưa tốt; một số giáo viên chủ nhiệm chưa quan tâm nhiều đến học sinh.

+ Đa số phụ huynh không muốn cho con mình tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi các môn như: GDCD, Địa lý, Lịch sử, Sinh học, thể dục thể thao.

+ Đội ngũ giáo viên có năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi THCS hiện nay còn hạn chế.

II . XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2018-2019:

1. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2018-2019

1.1. Mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch:

1.1. Củng cố phổ cập giáo dục Mầm non mẫu giáo 5 tuổi; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển sinh đầu cấp, nâng cao chất lượng đại trà, duy trì sĩ số, duy trì kết quả xóa mù chữ và PCGDTH đúng độ tuổi; củng cố, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục THCS.

1.2. Tiếp tục tham mưu tăng cường xây dựng cơ sở vật chất (chú trọng xây dựng nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, phòng học chức năng), tăng cường mua sắm thêm trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo hướng trường đạt chuẩn Quốc gia. Xây dựng thêm 01 trường chuẩn quốc gia; Duy trì trường THCS Lê Quý Đôn là trường chất lượng cao của thị xã, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh những năm tới.

1.3. Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ nhà giáo và CBQL. Từng bước xây dựng đội ngũ giáo viên đứng lớp đảm bảo hợp lý về cơ cấu, trình độ; kết hợp bồi dưỡng chuyên môn với nghiệp vụ; có năng lực, trình độ, tâm huyết thực sự với nghề.

1.4. Tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng công tác Nghiên cứu khoa học và đúc rút SKKN giáo dục. Nâng cao hiệu quả, chất lượng GD, chú trọng việc giáo dục đạo đức học sinh; phát hiện kịp thời để bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu. Nâng cao chất lượng dạy-học Ngoại ngữ, Tin học cho CBGV học sinh Tiểu học và THCS.

1.5. Xây dựng hệ thống mạng thông tin giáo dục hợp nhất toàn ngành. Tăng cường bồi dưỡng nguồn nhân lực khai thác, sử dụng ứng dụng CNTT trong toàn ngành.

1.6. Nâng cao chất lượng và duy trì 100% số lượng bán trú Mầm non; quản lý chất lượng dịch vụ giữ trẻ, tổ chức hoạt động vui chơi và tạo điều kiện cho học sinh Tiểu học được ở trường cả ngày. Hỗ trợ giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh con hộ nghèo, học sinh 2 xã nông nghiệp. Tăng cường điều kiện hỗ trợ giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật.

2. Nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018-2019:

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ Thị xã khóa X (2015-2020); Thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 của Sở GD&ĐT, Ngành Giáo dục và đào tạo Bim Sơn tiếp tục phát huy những mặt đã đạt được trong năm học vừa qua, chú trọng đến các công tác: Quản lý giáo dục và đào tạo, tổ chức các hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQLGD, tăng cường nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính giáo dục, cụ thể:

2.1. Giáo dục Mầm non

Giữ vững 100% các xã phường được công nhận phổ cập giáo dục Mầm non 5 tuổi của Thị xã (8/8 xã, phường). Tiếp tục triển khai, thực hiện bộ chuẩn giáo dục Mầm non. Tăng cường quản lý 02 cơ sở giáo dục Mầm non tư thục; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho cộng đồng; nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 6 %; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công tác xã hội hoá giáo dục để huy động các nguồn lực, sự tham gia của cha mẹ chăm lo cho giáo dục Mầm non.

** Đối với giáo dục phổ thông*

Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh; tiếp tục triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh; quan tâm dạy tích hợp, phân hóa phù hợp đặc trưng nội dung môn học; tích hợp giáo dục đạo đức, học tập và làm theo tác phong đạo đức Hồ Chí Minh, giáo dục pháp luật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên trong một số môn học theo hướng dẫn riêng của Bộ. Thực hiện tốt dạy nghề hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS.

Thực hiện có hiệu quả Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Kế hoạch 606/2011 của UBND thị xã Bim Sơn.

2.2. Đối với giáo dục thường xuyên:

Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông, dạy văn hoá phối hợp hoạt động của TTGD TX Bim Sơn và trường Trung cấp nghề tạo mọi điều kiện cho học viên học nghề được học văn hóa và ngược lại. Tiếp tục chỉ đạo các xã, phường củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của TTHTCD củng cố vững chắc kết quả chống mù chữ- phổ cập giáo dục Tiểu học.

2.3. Các mục tiêu cụ thể.

a. Mục tiêu 1: Thực hiện công bằng xã hội trong GD&ĐT, tạo cơ hội học tập ngày càng tốt hơn cho con em các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là các vùng khó khăn:

- Củng cố hoàn thiện Quy hoạch mạng lưới trường lớp ở xã Quang Trung và phường Phú Sơn; thực hiện đầu tư xây dựng bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, nhà hiệu bộ.

- Tăng cường mua sắm bàn ghế chuẩn, thiết bị dạy học, đồ chơi cho trẻ và tăng nhanh máy chiếu đa năng, máy tính để ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bố trí đủ giáo viên theo cơ cấu môn.

- Chăm lo đối tượng học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn.

- Phân đầu tỷ lệ 15% trẻ khuyết tật vào nhà trẻ, 75% trẻ khuyết tật lứa tuổi mẫu giáo được nhập học; 75% trong lứa tuổi 6-14 được hoà nhập ở tiểu học và 37% năm 2018 ở THCS. 100% học sinh gia đình chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường.

+ Giải pháp thực hiện:

Phòng giáo dục tiếp tục tham mưu cho Thị uỷ, HĐND&UBND trong việc chăm lo xây dựng đội ngũ; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất trường học, chính sách tài chính giáo dục để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

b. Mục tiêu 2: Tăng tỷ lệ huy động trẻ, phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; tỷ lệ học sinh nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học, THCS:

- Mầm non: Tỷ lệ huy động các cháu nhà trẻ (0-2 tuổi) đạt 40%, từ 3-5 tuổi đạt 95%; huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 100%. Duy trì tỷ lệ bán trú đạt 100%.

- Tiểu học: Tỷ lệ nhập học lớp 1 (6tuổi) đạt 100% (Dự kiến 40 lớp với 1274 học sinh), tỷ lệ trẻ 6-10 tuổi ra lớp đạt 100%, có 07 trường có học sinh bán trú.

- THCS: Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6 đạt 100% (dự kiến 26 lớp với 946 học sinh), tỷ lệ học sinh THCS từ 11-14 tuổi ra lớp đạt 99%.

- THPT: Dự kiến tuyển sinh vào lớp 10 là 13 lớp, trong đó THPT Bim Sơn là 8 lớp với 336 HS, THPT Lê Hồng Phong 7 lớp với 294HS.

- Giảm tỷ lệ học sinh lưu ban các khối lớp Tiểu học bình quân 0.5%; THCS mức 1%.

+ Giải pháp thực hiện:

Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường MN, TH, THCS tích cực phối hợp với các địa phương thực hiện điều tra, cập nhật, hoàn thành trong tháng 8-9 hàng năm và thường xuyên bổ sung cập nhật trong cả năm học 2018-2019.

UBND thị xã chỉ đạo các phòng ban liên quan, đảm bảo nguồn lực tài chính: Nguồn kinh phí phổ cập, XMC quốc gia; Huy động nguồn hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp giáo dục, nguồn hỗ trợ đóng góp của địa phương.

c. Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dạy - học; trình độ chuẩn giáo viên:

* Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn.

- Giáo dục Mầm non: Đến hết năm học 2018-2019 có từ 85% trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng Mầm non xuống còn dưới 6 %; 100%

các trường Mầm non thực hiện bộ chuẩn chương trình GDMN; giáo dục phát triển vận động.

- Giáo dục phổ thông:

Tỷ lệ lên lớp bình quân toàn cấp Tiểu học tăng thêm 0.2%, cấp THCS đạt 98% trở lên. Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm 100% và HS lớp 9 tốt nghiệp THCS đạt 98% trở lên, Tốt nghiệp THPT đạt 98% trở lên, bổ túc THPT đạt 90% trở lên.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao và tất cả các cuộc thi được xếp trong top 10 của Tỉnh.

Đảm bảo 100% học sinh Tiểu học khối 3,4, 5 học Tiếng Anh bắt buộc, các trường có điều kiện tổ chức dạy tiếng anh cho khối 1,2 đạt 80%; tất cả các trường có phòng máy tính đều tổ chức dạy Tin học tự chọn cho học sinh. 100% học sinh lớp 9 được học chương trình hướng nghiệp, các trường phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS

+ Giải pháp thực hiện:

Tiếp tục chỉ đạo công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực tự giác, chủ động sáng tạo của người học, biến quá trình học tập thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm định kỳ 1 lần/tháng các môn ngoại ngữ, mỹ thuật, nhạc, thể dục TH, THCS. Nội dung tập trung thảo luận, áp dụng đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập học sinh. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy học thông qua hội thi, bài giảng trình chiếu. Hội thảo đánh giá hiệu quả của dạy học có sử dụng giáo án điện tử và trình chiếu trong trường phổ thông. Tăng cường công tác Kiểm tra về đổi mới PPDH và công tác đánh giá giáo viên.

Tiếp tục triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở các nhà trường, công khai kết quả kiểm định trên mạng giáo dục.

Chỉ đạo các nhà trường tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực để tạo môi trường giáo dục lành mạnh, tạo môi trường học tập tốt nhất cho các em học sinh.

Phòng GD&ĐT tăng cường chỉ đạo công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu theo lộ trình lâu dài nhiều năm, năm trước sẽ chọn đội dự tuyển cho khối lớp của năm học tiếp theo.

- Tổ chức các Hội thi GVG cho các cấp học MN, TH, THCS; thi HSG các môn văn hóa lớp 7, 8, 9 cấp Thị; tổ chức có hiệu quả kỳ thi OLYMPIC THCS Thi HSG TĐTT; giao lưu các câu lạc bộ, tạo động lực trong công tác bồi dưỡng thành tích cao cũng như có cơ sở thực tiễn để đánh giá chất lượng, đánh giá thi đua các nhà trường.

* Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên:

- Nhu cầu giáo viên công lập trong năm học 2018-2019 cần 715 biên chế, biên chế được giao 590 (có 26 HĐ60), biên chế hiện có 590; còn thiếu so với nhu cầu và tỉnh giao 125 người, cụ thể: nhu cầu bậc mầm non 239 biên chế (119 nhóm lớp công lập), còn thiếu 14 biên chế; tiểu học cần 290 biên chế còn thiếu 87 biên chế (166 lớp 2b/ngày), THCS cần 186 thiếu 24 biên chế (83 lớp).

- Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuẩn, trên chuẩn đến hết năm 2018:

+ Mầm non: Có thêm 10 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

+ Tiểu học: Có thêm 03 giáo viên có trình độ từ Đại học trở lên. Tỷ lệ giáo viên có trình độ Cao đẳng trở lên đạt 93%.

+ THCS: Có thêm 03 giáo viên có trình độ từ Đại học trở lên. Tỷ lệ giáo viên có trình độ Cao đẳng trở lên đạt 100%, trong đó đại học đạt 65%.

- Giáo viên giỏi, chiến sĩ thi đua (CSTD) các cấp:

+ Phần đấu bậc Mầm non: Có 25 CBGV đạt CSTD cơ sở; Tiểu học: có 25 CBGV đạt CSTD cơ sở; THCS: có 20 CBGV đạt CSTD cơ sở; TT GD TX: Có 01 CSTD cơ sở; toàn ngành có 3 CSTD cấp tỉnh.

d. Mục tiêu 4: Tăng cường năng lực quản lý giáo dục:

- Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý trường học.

100% CBQL có bằng chuyên môn từ Đại học trở lên, có trình độ trung cấp lý luận chính trị; 100% CBQL các trường học có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và tham gia cập nhật kiến thức CBQL.

+ Giải pháp thực hiện:

Thống kê đội ngũ CBQL nhà trường văn bằng, chứng chỉ công tác quản lý giáo dục. Lập danh sách, cử cán bộ quản lý đi học bồi dưỡng nghiệp vụ QL trường học theo chương trình Bồi dưỡng CBQLGD 3,5 tháng và cập nhật kiến thức QL.

UBND thị xã có chủ trương chính sách luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL trường học, đảm bảo chuẩn CBQL phải có trình độ 100% đại học; hoàn thành TC lý luận, chứng chỉ quản lý 3,5 tháng.

Mở các lớp tập huấn về phần mềm tin học mới về QLCLGD, Kiểm Định CLGD cho CBQL nhà trường trong năm học 2018-2019.

Tất cả cán bộ quản lý trường học được tham gia các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chỉ đạo chuyên môn; tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Chỉ đạo cho CBCV, chuyên viên phòng GD&ĐT tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Sở GD&ĐT tổ chức.

e. Mục tiêu 5: Phát triển mạng lưới trường, lớp và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; nâng cao tỷ lệ trường chuẩn quốc gia:

- Giữ quy mô 10 trường mầm non, 7 trường tiểu học, 6 trường THCS, 02 trường liên cấp TH&THCS; 02 trường THPT và 01 TTGD TX). Trong năm học 2018-2019 dự kiến quy mô trường lớp trên địa bàn thị xã MN có 148 nhóm lớp với 4110 cháu (công lập 119 nhóm lớp; TH có 166 lớp với 5243 HS trong đó

100% lớp 2 buổi/ngày; THCS có 83 lớp với 3137 HS; THPT có 41 lớp với 1773 HS. So với năm 2017-2018 có sự chuyển biến, số học sinh ở các cấp học từ MN đến THCS tăng khoảng 644 học sinh (MN: 77; TH: 239; THCS: 243; THPT: 85).

+ Giải pháp thực hiện:

* Công tác xây dựng trường CQG:

Phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND thị xã chỉ đạo trọng điểm, có thêm 01 trường Chuẩn năm 2018, định hướng xây dựng năm 2019; Rà soát chỉ đạo các trường chưa đạt chuẩn, xây dựng, bổ sung Đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND thị xã hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng trường CQG các mức độ, xây dựng phòng học còn thiếu.

- Nhu cầu năm 2018-2019 bậc Mầm non cần thêm 31 phòng học(công lập 26 phòng); Tiểu học 27 phòng học và THCS 18 phòng học bộ môn; cả 3 cấp học cần thêm 10 nhà hiệu bộ và cải tạo và nâng cấp các phòng học xuống cấp, tăng cường CSVC thiết bị đồ chơi, đầu tư trang thiết bị cho 02 trường liên cấp TH & THCS tại Phú Sơn và xã Quang Trung.

2.4. Kế hoạch tài chính:

Trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm học 2018 - 2019 và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành; Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch đề hướng dẫn thực hiện dự toán được giao năm 2019 .

III. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT:

1. Kiến nghị, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo:

Đề nghị Sở GD&ĐT phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu với UBND Tỉnh bổ sung biên chế giáo viên đáp ứng tình hình biên chế thực tế hiện nay.

2. Kiến nghị, đề xuất với UBND tỉnh:

2.1. Giao biên chế cho từng cấp học theo định mức tại Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

2.2. Cho phép UBND thị xã Bỉm Sơn được Hợp đồng giáo viên còn thiếu thực tế so với biên chế được giao, và được UBND tỉnh cấp kinh phí như chính sách hợp đồng theo Quyết định số 60 của Chính phủ đối với giáo viên mầm non.

2.3. Hỗ trợ kinh phí để xây dựng phòng học còn thiếu ở 3 cấp học MN, TH và THCS.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Phòng TC-KH Sở GD&ĐT (để b/c);
- TT, Thị uỷ, HĐND-UBND (để b/c);
- UBND các xã, phường (để thực hiện);
- Các phòng, ban (để thực hiện);
- Lưu: VP.


K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
* Mai Đình Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌM SƠN**

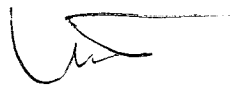
BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH 2016-2017	Kế hoạch 2017-2018	Ước TH 2017-2018	Kế hoạch 2018-2019	So sánh	
							(6)/(4)	(7)/(6)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Tổng số học sinh	hs	12,990	13,683	13,611	14,313	104.8%	105.2%
1	Mầm non	hs	3,838	4,010	4,035	4,110	105.1%	101.9%
	Nhà trẻ	cháu	804	855	778	803	96.8%	103.2%
	Mẫu giáo	hs	3,034	3,155	3,257	3,307	107.4%	101.5%
	Trong đó: độ 5 tuổi		1,096	1,121	1,125	1,130	102.6%	100.4%
2	Phổ thông	hs	9,142	9,633	9,576	10,153	104.7%	106.0%
a	Tiểu học	hs	4,621	4,960	5,004	5,243	108.3%	104.8%
b	Trung học cơ sở	hs	2,864	3,015	2,934	3,137	102.4%	106.9%
	THCS DTNT (Huyện)	hs						
c	Trung học phổ thông	hs	1,657	1,658	1,638	1,773	98.9%	108.2%
+	Công lập		1,566	1,658	1,638	1,773	104.6%	108.2%
	THPT dân tộc nội trú Tỉnh	hs						
	Học sinh chuyên	hs						
	Trường tư thực							
3	GDTX- DN (BT VH)	hs	10	40	0	50		
II	Học sinh tuyển mới	hs	2,198	2,503	2,544	2,862	115.7%	112.5%
1	Vào lớp 1	hs	932	1,126	1,210	1,236	129.8%	102.1%
2	Vào lớp 6	hs	713	801	788	946	110.5%	120.1%
-	- DT Nội trú	hs	0	0	0	0	0	0
3	Vào lớp 10 PT	hs	553	546	546	630	98.7%	115.4%
-	Trong đó: - Công lập:	hs	553	546	546	630	98.7%	115.4%
	+ Chuyên	hs						
	+ DT Nội trú	hs						
	- Tư thực	hs						
4	Vào lớp 10 BTVH	hs	0	30	0	50		
III	Bình quân HS/lớp		33.9	32.0	33.7	32.6	99.3%	96.8%
1	Nhóm trẻ	hs/lớp	20.1	19.4	21.0	20.6	104.6%	97.9%
2	Mẫu giáo	hs/lớp	33.0	29.8	31.0	30.3	94.0%	97.8%
3	Khối Tiểu học	hs/lớp	33.0	31.0	34.0	31.6	103.2%	92.8%
4	Khối THCS	hs/lớp	39.8	39.2	38.6	37.8	97.0%	97.9%
5	Khối THPT	hs/lớp	41.2	42.5	42.0	43.2	101.9%	103.0%
6	BTVH	hs/lớp	0.0	0	0	50		
IV	Số lớp học	lớp	383	427	404	439	105.5%	108.7%
1	Số nhóm trẻ	lớp	40	44	37	39	92.5%	105.4%
2	Số lớp mẫu giáo	lớp	92	106	105	109	114.1%	103.8%
3	Số lớp Tiểu học	lớp	140	160	147	166	105.0%	112.9%
-	Trong đó: Lớp ghép	lớp						
	Tuyển mới đầu cấp	lớp	28	36	32	38	114.3%	118.8%
4	Tổng số lớp THCS	lớp	72	77	76	83	105.6%	109.2%
-	Trong đó: -DTNT	lớp	0	0				
	Tuyển mới đầu cấp		19	21	20	26	105.3%	130.0%
5	Tổng số lớp THPT	lớp	38	39	39	41	102.6%	105.1%
-	Trong đó: - Công lập:	lớp	38	39	39	41	102.6%	105.1%

	Tuyển mới đầu cấp		13	13	13	15	100.0%	115.4%
	+ Chuyên	lớp					0.0%	0.0%
	+ DT Nội trú	lớp					0.0%	0.0%
	Trường tư thực	lớp					0.0%	0.0%
6	Bộ túc VH ở T/tâm:	lớp	1	1	0	1	0.0%	0.0%
V	Số trường học:	Trường	28	28	28	28	100.0%	100.0%
1	Mầm non:	Trường	10	10	10	10	100.0%	100.0%
	Trong đó: - Hạng 1:		9	10	10	10	111.1%	100.0%
	- Hạng 2:		1	0	0		0.0%	0.0%
2	Tiểu học:	Trường	8	7	7	7	87.5%	100.0%
	Trong đó: - Hạng 1:		1	2	2	2	200.0%	100.0%
	- Hạng 2:		2	1	1	1	50.0%	100.0%
	- Hạng 3:		5	4	4	4	80.0%	100.0%
3	Trung học cơ sở:	Trường	7	6	6	6	85.7%	100.0%
	Trong đó: - Hạng 1:						0.0%	0.0%
	- Hạng 2:						0.0%	0.0%
	- Hạng 3:		7	6	6	6	85.7%	100.0%
4	Trường TH&THCS	Trường	0	2	2	2	0.0%	100.0%
-	Trường DTNT huyện	Trường					#DIV/0!	0.0%
5	Trung học phổ thông	Trường	2	2	2	2	100.0%	100.0%
-	Trong đó: - Công lập:	Trường	2	2	2	2	100.0%	100.0%
	+ Chuyên	Trường					0.0%	0.0%
	+ DT Nội trú	Trường					0.0%	0.0%
	- Tư thực	Trường					0.0%	0.0%
-	Trong đó: - Hạng 1:	Trường					0.0%	0.0%
	- Hạng 2:	Trường	2	2	2	2	100.0%	100.0%
	- Hạng 3:	Trường					0.0%	0.0%
6	Trường THCS & THPT	Trường	0	0	0	0	0.0%	0.0%
-	Trong đó: - Công lập:	Trường					0.0%	0.0%
	- Tư thực	Trường					0.0%	0.0%
-	Trong đó: - Hạng 1:	Trường					0.0%	0.0%
	- Hạng 2:	Trường					0.0%	0.0%
	- Hạng 3:						0.0%	0.0%
7	Trung tâm GDTX-DN	TT	1	1	1	1	100.0%	100.0%
8	Trung tâm KTTH-HN	TT	0	0	0	0	0.0%	0.0%

Bim Sơn, ngày tháng năm 2018

**TRƯỞNG PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**



Phạm Xuân Duy

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Đình Lâm

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP MẦM NON NĂM HỌC 2018-2019

TT	Trường mầm non	Trường đạt chuẩn QG	Điểm trường	TS nhóm, lớp	Nhóm, lớp				Lớp mẫu giáo				Trẻ em nhà trẻ				Trẻ em mẫu giáo			
					Tổng số nhóm trẻ	Trong tổng số		Tổng số lớp mẫu giáo	Trong tổng số		Tổng số trẻ nhà trẻ	Chia ra		Tổng số trẻ mẫu giáo	Chia ra		Tổng số trẻ mẫu giáo	Chia ra		
						bán trú (ăn trưa)	không bán trú		bán trú (ăn trưa)	không		Dân tộc	Học 2 buổi/ngày		Dân tộc	Học 2 buổi/ngày				
A	B	C	D	$I=2+5$	$2=3+4$	3	4	$5=6+7$	6	7	8	$9=10+14$	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng:	10	16	148	39	0	109	0	109	0	39	4,110	803	100	803	803	3,307	0	3,307	3,307
1	MN Quang Trung	1	2	10	2	0	8	0	8	0	3	260	38	0	38	38	222	0	222	222
	Khu chính		1	7	2	2	5	0	5	0	2	200	38	0	38	38	162	0	162	162
	Khu Thôn 2		1	3	0	0	3	0	3	0	1	60	0	0	0	60	60	0	60	60
2	MN Bắc Sơn	1	4	20	5	0	15	0	15	0	5	550	100	100	100	450	0	450	450	450
	Khu chính		1	14	3	0	11	0	11	0	3	426	78	0	78	426	0	426	426	426
	Khu lẻ 1		1	4	1	0	3	0	3	0	1	105	16	0	16	89	0	89	89	89
	Khu lẻ 2		1	1	0	0	1	0	1	0	1	13	0	0	0	13	0	13	13	13
	Khu lẻ 3		1	1	1	0	0	0	0	0	0	6	6	0	6	0	0	0	0	0
3	MN Ba Đình	1	1	20	5	0	15	0	15	0	7	550	110	0	110	440	0	440	440	440
4	MN Lam Sơn		2	11	3	0	8	0	8	0	2	290	60	0	60	230	0	230	230	230
	Khu chính		1	9	2	0	7	0	7	0	2	245	40	0	40	205	0	205	205	205
	Khu pho 6		1	2	1	0	1	0	1	0	0	45	20	0	20	25	0	25	25	25
5	MN Đông Sơn	1	2	17	4	0	13	0	13	0	4	460	80	0	80	380	0	380	380	380
	Khu chính			13	3	0	10	0	10	0	3	323	60	0	60	280	0	280	280	280
	Khu lẻ			4	1	0	3	0	3	0	1	120	20	0	20	100	0	100	100	100
6	MN Xi Măng	1	1	18	5	0	13	0	13	0	4	475	95	0	95	380	0	380	380	380
7	MN Phú Sơn	1	1	13	4	0	9	0	9	0	4	360	75	0	75	285	0	285	285	285
8	MN Hà Lan	1	1	10	3	0	7	0	7	0	2	255	55	0	55	200	0	200	200	200
	Tổng công lập	7	14	119	31	0	88	0	88	0	31	3,200	613	100	613	2,587	0	2,587	2,587	2,587
9	MN Ngọc Trạo	2	1	17	4	0	13	0	13	0	5	550	110	0	110	440	0	440	440	440
10	MN Bé Ngoan	1	1	12	4	0	8	0	8	0	3	360	80	0	80	280	0	280	280	280

NGƯỜI LẬP

(Chữ ký)

Lê Thanh Sơn

Bim Sơn, Ngày tháng năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG

(Chữ ký)

Phạm Xuân Duy

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BẠC TIỂU HỌC NĂM HỌC 2018-2019

TT	Trường Tiểu học	Trườn g đạt chuan QG	Điểm trườn g	Lớp										Học sinh						
				TS lớp	Trong đó					Số lớp ghép học 2	TS HS	Trong đó					Học buổi/n gày	Học sinh dân	Tuyển mới lớp 1	
					Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5				
																				Lớp 1
	Tổng cộng:	6	10	166	40	36	29	31	30	0	166	5,243	1,274	929	980	946	5,243	44	1,274	
1	TH Bắc Sơn	1	2	22	6	5	4	4	3	0	22	673	191	153	113	103	673	20	191	
	<i>Khu Đội 4</i>	0	1	7	1	1	1	1	3	0	7	241	41	36	31	103	241	13	41	
	<i>Khu trường chính</i>	1	1	15	5	4	3	3	0	0	15	432	150	117	83	0	432	7	150	
2	Liên cấp 1,2 Quang Trung	0	1	12	3	2	2	2	2	0	12	381	111	78	56	78	381	2	111	
3	TH Ngọc Trạo	1	1	25	6	5	5	4	5	0	25	814	203	148	172	132	159	814	9	203
4	TH Ba Đình	1	1	41	7	10	8	8	8	0	41	1,300	233	315	243	245	264	1,300	5	233
5	TH Lam Sơn 1	1	1	9	2	2	1	2	2	0	9	300	70	68	47	56	300	1	70	
6	TH Lam Sơn 3	1	1	18	4	4	4	4	3	0	18	580	120	117	116	118	109	580	0	120
7	TH Đông Sơn	1	1	20	5	5	3	4	3	0	20	641	145	152	108	135	101	641	5	145
8	TH Hà Lan	0	1	10	3	2	1	2	2	0	10	310	94	61	43	59	310	0	94	
9	Liên cấp 1,2 Phú Sơn	0	1	9	3	2	1	1	1	0	9	244	107	64	31	44	244	2	107	

NGƯỜI LẬP



Lê Thanh Sơn

Bim Sơn, ngày tháng năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Xuân Duy

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BẠC THCS NĂM HỌC 2018-2019

TT	Trường THCS	Trườn g đạt chuan QG	Điểm trường	Lớp					Học sinh					Học 2 buoi/n gày	Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 6	
				TS lớp	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Số lớp 2 buoi ngày	TS HS	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8				Lớp 9
					26	20	19	18			0	3,137	946				788
	Tổng cộng:	5	8	83	26	20	19	18	0	3,137	946	788	701	702	0	31	946
1	THCS Ngọc Trạo	1	1	10	3	3	2	2	0	380	117	103	88	72		4	117
2	THCS Bắc Sơn	0	1	9	3	2	2	2		321	105	79	70	67		19	105
3	THCS Ba Đình	1	1	18	5	5	4	4	0	689	194	186	148	161	0	4	194
4	THCS Lê Quý Đôn	1	1	16	4	4	4	4	0	700	165	187	169	179	0	1	165
5	THCS Xi Măng	1	1	14	5	3	3	3	0	506	183	114	98	111	0	1	183
6	THCS Hà Lan	1	1	6	2	1	2	1	0	183	52	46	50	35	0	0	52
7	Liên cấp 1,2 Quang Trung	0	1	5	2	1	1	1	0	176	70	38	38	40	0	2	70
8	Liên cấp 1,2 Phú Sơn	0	1	5	2	1	1	1	0	162	60	35	40	37			60

NGƯỜI LẬP



Lê Thanh Sơn

Bim Sơn, ngày tháng năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Xuân Duy

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BẬC THPT NĂM HỌC 2018-2019

TT	Trường THPT	Loại hình	Hạng trường	Số lớp	Trong đó			Số HS	Trong đó			Tỷ lệ sinh lớp 9	Tỷ lệ tuyển mới
					Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng			42	16	13	13	1,773	680	553	540	850	0
1	THPT Bim Sơn	Công lập	2	22	8	7	7	925	336	301	288	850	
2	THPT Lê Hồng Phong	Công lập	2	19	7	6	6	798	294	252	252	850	
3	TT GDTX	CL	7	1	1	0	0	50	50	0	0		

Người lập



Lê Thanh Sơn

Ngày tháng năm 2018

TRƯỜNG PHÒNG



Phạm Xuân Duy

TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM HỌC 2018-2019

Chi tiêu		Đvt	Ước thực hiện 2017-2018	Kế hoạch 2018-2019	Ghi chú
1. Số lớp		Lớp	18	19	
Trong đó:	Lớp 10	6	6	7	
	Lớp 11	6	6	6	
	Lớp 12	6	6	6	
2. Số học sinh		Học sinh	742	796	
Trong đó:	Lớp 10		252	294	
	Trong đó HS tuyển mới		252	294	
	Lớp 11		250	252	
	Lớp 12		240	250	
* Học sinh dân tộc					
3. CBQL, GV		Người	48	47	
Chia ra:	Hiệu trưởng		1	1	
	Phó Hiệu trưởng		2	2	
	Ngữ Văn		7	7	
	Lịch Sử		2	2	
	Địa Lý		3	2	
	GDCD		2	2	
	Toán		9	9	
	Vật Lý		4	4	
	Hoá		3	3	
	Sinh		3	3	
	Thể dục		1	1	
	Quốc phòng		1	1	
	Tiếng Anh		6	6	
	Tiếng Pháp		0	0	
	Tiếng Nga		0	0	
	KTCN		1	1	
	KTNN		0	0	
	Tin		2	2	
	Khác				
4. Nhân viên		Người	3	3	
Trong đó:	Thư viện		1	1	
	Thiết bị, Thí nghiệm				
	Văn phòng		2	2	
5. Cơ sở vật chất					
Diện tích đất		m2	15,000	15,000	
Phòng học:		Phòng			
Trong đó:	Kiên cố		28	28	
	Bán kiên cố				
	Tạm thời				
Phòng học bộ môn:			0	0	
Trong đó:	Kiên cố				
	Bán kiên cố				

Ghi rõ số lượng giáo viên hợp đồng tại thời điểm báo cáo
Có 01 Giáo viên hợp đồng thuộc bộ môn Thể dục

	Tạm thời				
Phòng hiệu bộ, văn phòng			15	15	
Trong đó:	Kiên cố		15	15	
	Bán kiên cố				
Thư viện			1	1	
Trong đó:	Kiên cố		1	1	
	Bán kiên cố				
Phòng nội trú HS					
Trong đó:	Kiên cố				
	Bán kiên cố				
Phòng công vụ GV					
Trong đó:	Kiên cố				
	Bán kiên cố				
6. Tài chính		Ngân đồng			
Trong đó:	NSNN:				
	Học phí				
	Thu khác				

Ngày tháng năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT BỈM SƠN

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM HỌC 2018-2019

Chỉ tiêu		Đvt	Ước thực hiện 2017-2018	Kế hoạch 2018-2019	Ghi chú
1. Số lớp		Lớp	21	22	
Trong đó:	Lớp 10		7	8	
	Lớp 11		7	7	
	Lớp 12		7	7	
2. Số học sinh		Học sinh	894	925	
Trong đó:	Lớp 10		301	336	
	Trong đó HS tuyển mới		297	336	
	Lớp 11		288	301	
	Lớp 12		305	288	
* Học sinh dân tộc			3	3	
3. CBQL, GV		Người	51	54	
Chia ra:	Hiệu trưởng		1	1	
	Phó Hiệu trưởng		3	3	
	Ngữ Văn		5	6	
	Lịch Sử		3	3	
	Địa Lý		2	2	
	GDCD		1	1	
	Toán		9	9	
	Vật Lý		6	6	
	Hóa		6	6	
	Sinh		3	3	
	Thể dục		3	3	
	Quốc phòng		1	2	
	Tiếng Anh		4	5	
	Tiếng Pháp				
	Tiếng Nga				
	KTCN		0	0	
	KTNN		1	1	
	Tin		3	3	
	Khác				
4. Nhân viên		Người	4	5	
Trong đó:	Thư viện		0	1	
	Thiết bị, Thí nghiệm		1	1	
	Văn phòng		3	3	
5. Cơ sở vật chất					
Diện tích đất		m2	20,250	20,250	
Phòng học:		Phòng	30	30	
Trong đó:	Kiên cố		30	30	
	Bán kiên cố				
	Tạm thời				
Phòng học bộ môn:			5	5	
Trong đó:	Kiên cố		5	5	
	Bán kiên cố				

Ghi rõ số lượng
giáo viên hợp đồng
tại thời điểm báo
cáo

	Tạm thời				
Phòng hiệu bộ, văn phòng			1	1	
Trong đó:	Kiên cố		1	1	
	Bán kiên cố				
Thư viện			1	1	
Trong đó:	Kiên cố		1	1	
	Bán kiên cố				
Phòng nội trú HS			0	0	
Trong đó:	Kiên cố				
	Bán kiên cố				
Phòng công vụ GV			0	0	
Trong đó:	Kiên cố				
	Bán kiên cố				
6. Tài chính		Ngân đồng	9,761,943	10160000	
Trong đó:	NSNN:		8,860,381	9200000	
	Học phí		846,802	900000	
	Thu khác		54,760	60000	

Ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC NĂM HỌC 2017-2018

TT	Tên trường	Đơn vị tính	Phòng học		Phòng học bộ môn		Nhà hiệu bộ		Nhà công vụ GV		Nhà nội trú học sinh		Nhà vệ sinh		Diện tích đất (M ²)
			KC	Bán KC	KC	Bán KC	KC	Bán KC	KC	Bán KC	KC	Bán KC	KC	Bán KC	
1	MN Quang Trung	Phòng	6	2			4	1					6	2	6,180
2	MN Bắc Sơn	Phòng	11	7			3						11	7	3,770
3	MN Ba Đình	Phòng	12	2			2						12	2	5,408
4	MN Lam Sơn	Phòng	7	2			1						0	9	3,932
5	MN Xi Măng	Phòng	12	0			6						12	0	10,419
6	MN Đông Sơn	Phòng	6	4			4						6	2	3,095
7	MN Hà Lan	Phòng	8	0			2						8	0	3,279.3
8	MN Phú Sơn	Phòng	9	0			3	1					11	0	2,996.7
9	MN Ngọc Trạo	Phòng	16	1			3						16	1	5,500
10	MN Bé Ngoan	Phòng	12				0						13	0	4168,79
11	TH & THCS Quang Trung	Phòng	11	0				3					0	1	3974
12	TH Bắc Sơn	Phòng	18	0									5	0	11,057
13	TH Ngọc Trạo	Phòng	21	1			3						4	1	6,324
14	TH Ba Đình	Phòng	28	0			4						4	0	8,623.4
15	TH Lam Sơn 1	Phòng	8	2				4					2	1	11,754
16	TH Lam Sơn 3	Phòng	14	2				2					0	1	10,938.7
17	TH Đông Sơn	Phòng	17	0			10						12	0	4,114
18	TH Hà Lan	Phòng	10	0				4					0	2	9,938
19	TH & THCS Phú Sơn	Phòng	6	0									2	0	3,672
20	THCS Bắc Sơn	Phòng	8				3						2	0	8,609
21	THCS Ngọc Trạo	Phòng	10		8		5						0	7	10,489
22	THCS Ba Đình	Phòng	18				4						6	1	8,131
23	THCS Lê Quý Đôn	Phòng	16		5		4						6	0	9,036
24	THCS Xi Măng	Phòng	12		4		4						2	0	104,218
25	THCS Hà Lan	Phòng	6				2						2	1	10,000
	Cộng		302	23	17	23	80	19	0	0	0	142	38	265,458	

Bim Sơn, ngày tháng năm 2018

Trưởng phòng GD&ĐT

Người lập

(Signature)

Lê Thanh Sơn

Phạm Xuân Duy

(Signature)